

Tản mạn

CHIỀU TRÊN SÔNG NILE

Để nhớ Tuấn

ĐIỆP MỸ LINH

Nắng chiều đã tắt nhưng tôi vẫn như cảm nhận được cái nóng hừng hực qua cung cách vén ống tay áo để lau mồ hôi trán của người tưới cỏ. Tôi lơ đãng nhìn theo vòi nước khi người tưới cỏ vừa tưới vừa bước dọc theo con đường thoai thoải cạnh hồ bơi. Khi đến bên một gốc cây, người ấy dừng lại, tay nâng ống nhựa để vòi nước chảy quanh gốc cây. Từ gốc cây, ánh mắt tôi hướng dần theo thân cây và tôi nhận ra đó là cây phượng – có nơi gọi là cây điệp. Mấy mươi năm kể ngày xa quê hương, đây là lần đầu tiên tôi thấy lại loại cây mà trước đây tôi cứ ngỡ chỉ có quê tôi mới có.

Nhìn cây phượng sum sê, lá xanh biếc và cuối mỗi cành là một chùm hoa đỏ rực, tôi không liên tưởng đến những ngày tháng đáng yêu của tuổi học trò mà tôi lại bùi ngùi nhớ đến em tôi – Nguyễn Anh Tuấn.

Tôi không nhớ Tuấn học từ ai và từ bao giờ mà Tuấn lại có ngón đàn Tây-Ban-Cầm rất tuyệt vời – không thua gì tiếng Tây-Ban-Cầm của John Mayer – và nét vẽ rất lạ.

Đạo còn đi học, tôi ghét cay ghét đắng môn địa lý, nhưng khi nào thầy cô bảo vẽ bản đồ là tôi được điểm cao; vì tôi nhờ Tuấn vẽ hộ. Bao giờ cũng vậy, vẽ xong, Tuấn vẽ một đoá hoa phượng nho nhỏ bên góc phải rồi mới trao bản đồ cho tôi. Mới đầu tôi không hiểu, vội cự nự. Tuấn cười hiền hòa: *“Để chị khỏi mất công viết tên của chị.”* Vỡ lẽ ra, tôi dí nhẹ ngón tay trở vào trán Tuấn...

Giữa lúc tâm trạng của tôi đang bèn bồng trong dòng hồi tưởng thì Sammy – hướng dẫn viên của công ty du lịch Globus – đến cạnh , yêu cầu tôi trở lại với nhóm du khách để Sammy thông báo những điều cần thiết và trao chìa khóa phòng.

Trước khi nhận chìa khóa phòng và điền mấy mẫu giấy thỏa thuận về những chuyến đi chơi riêng (excursions), tôi hỏi:

- Sammy! Cho tôi một đặc ân, được không?

Dù chưa biết tôi sẽ yêu cầu điều gì, Sammy cũng vui vẻ gật đầu. Vừa nói tôi vừa chỉ về hướng cây phượng:

- Sammy cho tôi căn phòng chỗ có cây hoa đỏ đó, được không?

- Vậy mà tôi đang lo, cứ ngại bà sẽ bảo tôi đưa bà đi xem kho tàng của vua Tutankhamon ngay bây giờ.

Cả nhóm du khách cùng cười ồ lên.

Đi ngang cây phượng, thấy trái phượng lủng lẳng trên cành, tự dưng tôi chậm bước, lòng buồn rười rượi. Sau khi vào phòng, nhìn qua cửa kính, thấy thân cây phượng gợn lên màu xám xám nhờ ánh đèn sáng rực từ khuôn viên hồ bơi, tôi mới nhận biết được nỗi buồn chợt đến trong lòng tôi là do cây phượng này gợi lại trong tôi hình ảnh cây phượng già trước ngôi nhà xưa của Ba Má tôi.

Dưới gốc phượng già của Ba Má tôi, tôi không nhớ vào dịp nào, Ba Má và mấy chị em tôi chụp chung một tấm hình, phóng lớn, treo ngay phòng khách. Trong ảnh, mấy chị em tôi đứng sắp hàng từ lớn xuống nhỏ; Ba Má tôi đứng sau hai đứa em gái nhỏ nhất – Mai-Trâm và Trúc-Uyên. Mấy mươi năm qua tôi gần như quên bằng tấm ảnh đó; nhưng cách nay không lâu, Tuấn gửi sang tặng tôi. Thấy tấm ảnh tôi không dám nhìn lâu, vì nhiều người trong tấm ảnh ấy không còn nữa! Phía sau tấm ảnh Tuấn viết: *“Trả lại chị những ngày vui xưa”*.

Những ngày vui xưa của chị em tôi là những buổi trưa trốn ngủ trưa, lén leo lên cây phượng, hái trái, giả Les Trois Musquetaires, chơi trò đánh kiếm. Trái nào bị gãy, chị em tôi tét vỏ ra, lấy hột ăn một cách ngon lành. Nhiều khi mê chơi, chị em tôi quên canh giờ, Ba tôi thức dậy đi làm, vậy là chị em tôi bị rầy. Chị em tôi chỉ sợ lúc đó thôi, vài hôm sau cũng lén lập lại trò chơi cũ. Trò chơi ấy cứ tiếp diễn mãi cho đến năm tôi lên trung học đệ nhị cấp mới chấm dứt.

Từ khi trở thành “cô nữ sinh đệ tam B4” tôi cứ hãnh diện ngầm, vì cho rằng tôi không còn là con nít nữa. Nhưng kể từ khi vào đời, và ngay cả giờ phút trong căn phòng sang trọng của khách sạn Oberoi Mena House Garden cổ kính này, tôi cũng chỉ tha thiết ước mong được trở thành con nít một lần nữa thôi!

Lòng tôi ôm niềm ước mơ không tưởng để đợi giấc ngủ đến; nhưng tiếng hòa nhạc nơi hồ bơi làm tôi không ngủ được. Một lúc sau, hòa lẫn với âm thanh của trống và

các nhạc cụ quen thuộc khác, tôi nhận ra âm thanh của đàn rababas. Giọng hát nao nao buồn, bằng thứ ngôn ngữ rất lạ, không thể nào tôi hiểu được. Sau vài bài ca rất đặc thù của xứ Ngàn Lẽ Một Đêm, bất ngờ tiếng trống lớn hơn và dồn dập hơn, rồi ban nhạc chuyển sang Rock trong những tràng pháo tay reo hò. Dù không thích nhạc Rock tôi cũng cảm thấy vui vui vì không phải nghe thêm âm thanh áo não của rababas – loại nhạc cụ có hình dáng và âm thanh tương tự như đàn cò của mình.

Tôi thật sự ngạc nhiên, không ngờ họ Rock cũng đến nơi đến chốn, không thua gì ca sĩ Việt-Nam hát nhạc Mỹ. Tôi tò mò, ngồi dậy, vén màn cửa sổ vừa nhìn vừa nghe. Giữa mỗi tiết mục họ giới thiệu bằng thổ ngữ của họ nên tôi không hiểu. Tôi chỉ nhận biết khi nghe những bản nhạc quen hoặc khi họ hát bằng Anh ngữ hay Pháp ngữ.

Bỗng dung sự nhộn nhịp bên hồ bơi hơi lắng xuống khi một thanh niên ôm Guitar đến gần micro. Anh ấy dạo phân đoạn đầu. Tôi nhận ra tiết điệu của tình khúc Please Don't Go. Rồi anh hát: *"I love you. Yeah, Babe. I love you so. I want you to know that I'm going to miss your love..."*. Tiếng đàn và giọng hát của anh không điêu luyện; nhưng tôi thích nghe, vì bản này tôi từng hát, từng đàn và từng nghe. Chính lúc này tôi mới hiểu tại sao ngày xưa, khi tôi lớn lên với Giấc Mơ Hồi Hương, Eternally, Gọi Giấc Mơ Xưa và giọng ca của Pat Boon, Elvis Presley, Paul Anka, Dalida, The Beatles, v. v. thì Ba tôi vẫn cứ Tino Rossi, Đêm Thu, Santa Lucia, Đêm Đông, Xếp Bút Nghiên, Goodbye Hawaii, v. v. Tôi chỉ "gặp" được Ba tôi ở những bản bán cổ điển của F. Liszt, N. Serradell, J. Strauss, Chopin, Franz Schubert, v. v. Còn Mozart, Beethoven, Bach, v. v. đều là "của Ba", vì tôi không đủ trình độ để thưởng thức. Tôi nghiệm ra, đối với Ba tôi cũng như đối với tôi, âm thanh của dòng nhạc có mãnh lực đưa hồn mình trở về những ngày tháng xa xưa để mình sống với những gì đã qua và đã mất.

Vì hồn tôi mãi lang thang tìm về những gì đã qua và đã mất cho nên nhạc khúc Please Don't Go dứt hồi nào tôi không hay. Anh chàng ca sĩ tài tử bên hồ bơi đang hát một bài khác, lời ca và tiết điệu nghe cũng quen lắm. *"Yesterday, all my troubles seemed so far away..."* Tôi vui mừng reo lên nho nhỏ *"Ô, Yesterday"* rồi tôi ngồi lên thành cửa sổ, lắng nghe.

Theo tiếng đàn và giọng hát của anh ấy, tôi tưởng như tôi thấy lại Tuấn trong sân trường đại học Khoa-Học vào thời gian Saigon sôi sục, đầu thập niên 70. Trong khi những sinh viên có khả năng văn nghệ khác thường đàn và hát nhạc Trịnh-Công-Sơn cho hợp thời trang hoặc là họ muốn bộc lộ tư tưởng của họ thì Tuấn chỉ Come Back To Sorrento, Yesterday, Only You, v. v. Tôi thường góp ý với Tuấn: *"Trong không khí như vậy Tuấn chỉ nên hát những bản vui như Qué Será Será, Tous Les*

Garçons Et Les Filles, Technique, Marina, v. v. Còn những bản tình cảm êm dịu hát nơi những chỗ đó phí đi". Tuấn chỉ cười. Sau đó không hiểu tại sân trường đại học Tuấn có thay đổi hay không, nhưng mỗi khi ngồi trên sân thượng nhà tôi, đàn và hát một mình, Tuấn cũng chỉ hát A Certain Smile, Unchained Melody, Vaya Condiós, v. v. Nhiều đêm ngủ không được, tôi trần trọc lắng nghe tiếng hát chơi vui lạc lõng của Tuấn mà tưởng như Tuấn hát cho tôi và hát cho cuộc tình lạc lối của tôi. Đôi khi tiếng đàn và giọng ca của Tuấn ru tôi vào giấc ngủ lơ lửng. Lắm khi tiếng đàn và giọng ca của Tuấn làm tôi buồn quá nên tôi cũng lên sân thượng hát nghêu ngao với Tuấn. Nhưng cũng không biết bao nhiêu lần tiếng đàn và tiếng ca của chị em tôi phải nghẹn ngào đứt đoạn do giọng như nhựa lú lười vì rượu vang lên cùng với dáng đi khệnh khạng từ dưới lầu đi lên: "*Biểu... đẹp woài...mà sao tôi ngày cứ... đờn địch...ca hát. Đờn ca...có té ra... đờng xu...cút nào không?...Im... đi... để... tôi ngủ...*" Những lúc đó tôi xót xa nhận ra rằng nhà tôi không có chỗ cho âm nhạc và văn học nghệ thuật mà lại là nơi dung chứa hầu hết những đòi hỏi của cuộc sống! Tôi không thể làm gì để thay đổi, vì tôi trót được giáo dục theo nền "đạo lý thánh hiền(!)", để "xuất giá tòng phu" và "phu xướng phụ tùy"!

Để xua đuổi kỷ niệm buồn, tôi mở cửa, ra lang cang ngồi vào chiếc ghế mây. Tiếng nhạc và quan khách bên hồ bơi đã "biến đi" tự lúc nào. Cái nóng hùng hực của buổi chiều không còn nữa. Trời dịu dịu, mát mẻ. Nhìn quanh, tôi thấy vùng không gian xanh tươi của sân vườn đắm mình trong ánh trăng non. Và, tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy ba kim tự tháp Cheops, Khafre và Khufu hiện rõ trong tầm mắt tôi. Tôi phải chớp mắt nhiều lần để tự xác định là tôi không mơ. Đang mãi nhìn một trong những kỳ quang của thế giới, tôi chợt nhớ đến phim Cleopatra do Liz Taylor và Richard Burton thủ vai chính. Trong phim này kim tự tháp trông trắng lợt và nguy nga cho đến nỗi tôi say mê, tôi mơ ước. Giờ đây, được thấy tận mắt, sự say mê, niềm mơ ước trong tôi còn lớn hơn bội phần; vì, dưới ánh trăng non, những khối đá khổng lồ được chồng lên nhau rất mỹ thuật để chôn giấu xác thân và tài sản của người xưa trông hùng vĩ và kỳ bí lạ lùng.

Sáng sớm hôm sau, trước khi đưa chúng tôi đến kim tự tháp Cheops, Sammy đưa chúng tôi viếng Sphinx và rap hát giữa trời. Sphinx tôi thấy ảnh hoài nên chẳng lạ gì. Nhưng những gì bên trong kim tự tháp – do ấn tượng từ phim ảnh để lại – mới hấp dẫn, mới lôi cuốn, làm cho tôi nôn nao.

Sau một đoạn đường ngắn khá vất vả để lum khum chui vào lòng kim tự tháp Cheops, tôi chỉ thấy đá và đá. Đá chồng lên nhau. Đá tựa vào nhau. Đá gấn bó nhau từ mấy ngàn năm qua. Cuối cùng là một khoảng không gian hơi rộng, tôi thấy một hố nhỏ trông hổng – cũng được đục trong đá – giống như hình thể quan tài! Sự

nôn nao, rộn ràng trong tôi không còn nữa. Nhưng tôi lại hy vọng hai kim tự tháp Khafre và Khufu sẽ thỏa mãn sự mơ ước của tôi. Tôi hỏi Sammy:

- Hai kim tự tháp kia có gì khác hơn tháp Cheops này không, Sammy?

- Không. Một hãng phim ở Hollywood đang chế tạo một người máy rất nhỏ, để đưa người máy đó vào bên trong kim tự tháp quay phim. Những gì các bạn thấy lúc này chưa hẳn là bên trong.

Ngoài ba kim tự tháp lớn, tôi còn thấy vài kim tự tháp nhỏ. Sammy giải thích đó là tháp của các hoàng tử và công chúa. Mọi người đều lộ vẻ thất vọng, không ai muốn “chui” vào bất cứ kim tự tháp nào nữa cả.

Niềm thất vọng này càng sâu đậm hơn khi chiếc buýt đưa chúng tôi ra khỏi thành phố Cairo. Nếu ở Cairo tôi thấy được sự hòa nhập uyển chuyển giữa nền văn minh cổ và nền văn minh Âu Mỹ hiện đại thì dọc hai bên đường này, ngoài những cao ốc sạch sẽ và tươm tất của cơ quan chính phủ hay cơ sở thương mại, tôi chỉ thấy sự nghèo nàn và dơ bẩn của không biết bao nhiêu đồ án được xây cất dở dang. Tôi tò mò hỏi Sammy. Sammy cầm micro giải thích cho cả nhóm cùng nghe:

- Luật của nước tôi, nếu ngôi nhà chưa hoàn tất thì chủ ngôi nhà đó chưa phải đóng thuế cho chính phủ; vì vậy, hầu hết nhà cửa ở đây, có khi đã qua mấy thế hệ sinh sống trong đó và họ có tiền xây thêm một, hai, ba tầng lầu nữa nhưng họ vẫn cứ để vật dụng phế thải tro ra đó, chứng tỏ là nhà xây chưa xong để khỏi bị đóng thuế.

Một du khách khác hỏi Sammy về tình trạng du lịch ở Ai-cập ngay sau biến cố 9-11 tại Hoa-Kỳ. Sammy buồn bã lắc đầu:

- Tê liệt! Tê liệt hoàn toàn! Hai ngôi đền mà chúng ta sắp viếng thăm trong khoảng 30 phút tới đây chịu ảnh hưởng nặng nhất. Mọi công và lối đi dẫn vào đền đều khóa chặt. Tường và sân đầy rong rêu. Ngôi đền mà hơn năm mươi du khách bị sát hại cách nay mấy năm cũng cùng chung số phận. Không khí ảm đạm, chết chóc bao quanh những ngôi đền cho đến khi chính phủ vận dụng mọi nỗ lực trong việc kiểm soát an ninh để chinh phục sự tin tưởng của du khách.

Câu cuối của Sammy khiến tôi nhận ra vai trò của một thanh niên mang súng lục, ăn mặc lịch sự, ngồi ngay cửa của chiếc buýt.

Trên đường đến những nơi dày dặc thảm tôi thấy cây chà là (date-palms) oằn trái. Trái gần chín, màu vàng. Trái chín màu đỏ thẫm. Nhiều nơi họ đào sâu dưới lòng

đá để trồng chà là. Xe chạy ngang những “hầm” như vậy tôi chỉ thấy ngọn của cây chà là chứ không thấy được trái.

Xe chạy ngang một khu vực mà lối kiến trúc trông rất kỳ dị. Từng khối xi-măng hình bán nguyệt, tương tự nhau, chụm lên những ngôi nhà rất thấp. Những ngôi nhà này tuy khác nhau về diện tích, nhưng dường như cùng xây theo một mô thức và rất sát nhau. Sammy giải thích qua *micro*:

- Đây là thành phố của người chết (The city of the deaths). Đó là mộ của những người giàu. Gia đình họ thuê người từ dưới quê lên giữ mộ, giá rẻ hơn thuê người thành phố. Một cách kín đáo, người giữ mộ lên đem từng người trong gia đình từ dưới quê lên sống trong nhà mồ. Lâu dần họ tìm cách hợp thức hóa bằng hóa đơn điện, nước, rồi họ được sống tại đó.

Tôi chợt nhớ đến gia đình tôi. Sau khi Ba và các em trai của tôi vào tù và tài sản “được” nhà nước quản lý, Má tôi và các em gái của tôi phải “tình nguyện” đi kinh tế mới. Đời sống tại kinh tế mới cơ cực quá, chịu không nổi, Má tôi phải lên đưa các em gái tôi chui rúc nhiều nơi, kể cả nghĩa trang, để mong tìm đường trở về thành phố; nhưng lần nào cũng bị công an khu vực bắt, lừa về lại kinh tế mới! Mai-Trâm và Trúc-Uyên không chịu được sự tủ nhục, sự đói khát và sự cơ cực, đành xin thuốc giết chuột của người láng giềng, cùng kết liễu cuộc sống!

Khi nào chợt nhớ đến sự sa sút thảm hại của gia đình, tôi cũng không còn cảm thấy thích thú gì trong cuộc đời này nữa. Vì vậy, suốt thời gian viếng thăm các ngôi đền và bảo tàng viện, tôi ngồi lại trong xe.

Người tài xế mở radio, đài nào tôi không biết, nhưng xướng ngôn bằng Anh ngữ và rồi một giọng nữ đơn ca. Tôi không nhận ra giọng của ca sĩ mà tôi lại nhận ra đó là ca khúc Unbreak My Heart. Tôi hỏi ông tài xế:

- Ở đây nhiều người nghe nhạc Mỹ không?

- Nhiều. Nhiều lắm. Đa số là người trẻ. Không những họ nghe mà họ còn đàn và hát nhạc Mỹ nữa kìa.

- Thảo nào tối hôm qua tôi nghe ban nhạc chơi nhạc Mỹ tại *pool party*, nơi hồ bơi.

- Đó không phải là *pool party* mà là đám cưới. Đám cưới nhà giàu.

Tôi cảm thấy tiếc là tối hôm qua đã không biết để ra nhìn xem cô dâu ăn mặc như thế nào. Quanh đây, tôi thấy đàn ông mặc áo thụng (Burka) màu xám hoặc màu nâu. Nếu họ không choàng khăn lên đầu thì, nhìn từ xa, trông họ như những vị tu sĩ Phật-Giáo; phụ nữ, trẻ cũng như già, đều mặc áo thụng, trùm khăn che đầu và che mặt (Hijab), đa số dùng màu đen, trông họ giống như các vị nữ tu trong nhà Dòng. Vài cô nữ sinh mặc Jeans, áo chèn như bên Mỹ, nhưng lại trùm đầu, chỉ chừa mặt thôi. Da mặt của phụ nữ hơi đậm chứ không đen như da mặt đàn ông.

Trong tất cả những nơi tôi đã đi qua kể từ sau khi rời phi trường quốc tế Cairo, tôi chưa hề thấy một hành khách nào cả. Nhưng sau khi rời khách sạn Elephantine Island Resort tại Aswan để du ngoạn bằng *felucca* đến đảo Kitchener Island, tôi thấy vài em bé trai, mỗi cậu một chiếc thuyền nhỏ -- thuyền được ghép lại bằng ba tấm kim loại, sơn phết rất lòe loẹt -- vừa chèo theo *felucca* của du khách, vừa hát bài Clementine để xin tiền. Loại thuyền nhỏ này tôi cũng thấy dân cư dọc theo bờ sông Nile sử dụng để đi câu, đi gỡ lưới hoặc làm phương tiện di chuyển dọc bờ sông.

Sông Nile! Dòng sông mà Tuấn đã nắn nét vẽ lên bản đồ cho tôi ngày xưa, giờ đây không gây được cho tôi chút ấn tượng sâu đậm nào cả! Dọc hai bên bờ sông, tôi thấy những mái nhà lụp xụp ẩn mình dưới bóng cây chà là. Phía sau những vùng dân cư không đông đúc đó là một vùng đá thấp và cát, hoàn toàn không có cây cỏ. Vùng đá thấp và cát này kéo rộng ra một đoạn khá xa thì “đụng” phải hai bờ đá cao. Trên hai bờ đá cao đó tôi chỉ thấy triệu triệu đường nứt nẻ chứ không thấy được dấu vết của sự sống.

Sự nghèo khó quanh đây khiến tôi nghĩ đến người dân quê trên đất nước tôi. Người dân quê nơi xứ tôi nghèo nhưng còn thấy được mầm sống và sự tươi mát của cây rừng, của đồng ruộng. Còn nơi đây, ngoài những khóm cây thưa thớt dọc bờ sông Nile, tôi chỉ thấy đá và đá. Đá tầng tầng lớp lớp kéo dài đến vô tận. Nếu nơi đây một năm mưa hai lần thì người dân sẽ hoảng hốt, không hiểu nguyên nhân nào gây ra “hiện tượng” lạ lùng đó!

Trong giải sa mạc rực nắng và thiếu mưa, chúng tôi leo hết bậc cấp này đến phiến đá nọ để tìm xem đền đài và những ngôi mộ cổ. Đến bất cứ đâu tôi cũng thấy những hình tượng được tạc bằng đá và những nét vẽ rất lạ được khắc vào đá. Tôi không thể vào sâu trong mộ vì diện tích bên trong rất hẹp, ít dưỡng khí trong khi bên ngoài trời nóng như thiêu như đốt.

Khi chiếc du thuyền nhỏ đến Edfu, trong lúc “đi bờ” -- danh từ của Hải-quân, nghĩa là rời tàu hoặc rời đơn vị để đi phố -- tôi thấy người dân địa phương dùng

loại xe được đóng bằng gỗ, không mui, do ngựa hoặc lừa kéo. Xe lừa được phụ nữ dùng để chở rau cải, hàng hóa. Thấy cảnh phụ nữ mặc áo rộng, trùm khăn, che kín từ đầu đến chân, ngồi hai chân một bên, vắt vẻo trên xe, tay cầm cương, thúc con lừa đi, tôi không biết tôi nghĩ gì!

Tôi cũng thấy tận mắt những con lạc đà da khô như vỏ cây nhưng mắt thì hắt hiu buồn. Đối với tôi, trong nhiều sinh vật mà tôi từng thấy, chưa có sinh vật nào mang ánh mắt buồn bã và đáng vẻ khắc khổ, chịu đựng như lạc đà.

Không hiểu tại sao dáng vẻ khắc khổ và chịu đựng của mấy chú lạc đà lại khiến tôi nhớ đến Tuấn. Trong lần tôi trở về quê sau hơn hai mươi năm xa cách, tôi không nhận ra Tuấn. Tuấn chỉ hơn 40, nhưng thân người khô đét và khuôn mặt cần cỗi trông Tuấn như ông già 70! Bao nhiêu bất hạnh và tủi nhục được Tuấn dấu kín trong đôi mắt hắt hiu. Tôi đau lòng, không biết mở đầu câu thăm hỏi như thế nào. Khi Tuấn bung tàn thuốc ra cửa xe tôi mới thấy ngón tay trỏ của Tuấn bị mất một đốt. Tôi hỏi. Với ánh mắt thật buồn, Tuấn im lặng, nhìn ra xa...

Không bao giờ tôi ngờ được rằng tôi đã hỏi Tuấn một câu hết như câu mà Má tôi đã hỏi Tuấn vào năm 1976, khi Tuấn thì thầm cho Má tôi biết rằng Tuấn sẽ vượt biên bằng đường bộ. Má tôi thoáng giật mình, nhưng vội trấn tĩnh ngay. Má tôi lần trong thắt lưng lấy tất cả vốn liếng của mấy mẹ con – khoảng hơn 50 đồng – dúi vào tay Tuấn. Tuấn nắm tay Má tôi, để trọn số tiền đó vào lại trong tay Má tôi. Sự va chạm này khiến Má tôi nhận ra sự biến dạng nơi ngón tay trỏ của Tuấn. Má tôi kinh ngạc, hỏi. Giọng Tuấn buồn buồn: *“Những người vượt biên đường bộ, nhờ bị bắt họ thường bị ghép vào tội theo thể lực thù nghịch để chống lại nhà nước. Vì vậy, con chặt bỏ ngón tay trỏ để, nhờ bị bắt, họ biết con không có khả năng sử dụng súng, họ sẽ không ghép con vào tội chống phá cách mạng, thì tội của con sẽ nhẹ và con sẽ không ở tù lâu.”*

Ước tính của Tuấn là như vậy. Nhưng khi bị bắt tại Nật-Luông, họ đưa thẳng Tuấn vào giam tại nhà tù ở núi Sam bốn năm, không cần ghép vào tội danh nào cả.

Suốt bốn năm tù, không biết bao nhiêu lần Tuấn hối tiếc vì nhớ lại buổi chiều cuối cùng tôi gặp Tuấn tại nhà Thọ -- người bạn thân của Tuấn, cùng học tại trường trung học Nguyễn-Trãi cho đến đại học Khoa-Học. Tôi bảo Tuấn về nhà tôi, nhờ có gì thì đi trốn pháo kích với gia đình tôi. Tuấn có vẻ suy nghĩ, chưa vội trả lời thì Thọ bần ra, khuyên tôi đừng đi đâu cả. Tôi thuyết phục Tuấn. Tuấn hơi xiêu lòng thì Thọ lại lên tiếng: *“Chị về trước đi. Em chờ nó theo chị ngay.”* Tôi nhìn Tuấn, chờ đợi. Tuấn lập lại ý của Thọ. Tôi tin lời Tuấn. Nhưng khuya đó, lúc gia đình tôi rời nhà, vẫn không thấy Tuấn về, tôi khóc, vì biết Tuấn bị tuyên truyền!

Ngày đó tôi khóc vì thương thằng em nhẹ dạ, bị lừa. Ở trong tù, mỗi khi ban quảng giáo bắt Tuấn đàn, tập cho cả trại cùng hát, Tuấn khóc thầm, vì sự bất khiển dụng của ngón tay trở nơi bàn tay phải khiến Tuấn vụng về khi búng giầy đàn; và cũng vì Tuấn nhớ lại cảm giác rờn rợn khi thằng bạn dùng cái rựa, bảo Tuấn kê ngón tay trở lên thanh gỗ, nhắm mắt lại để nó chặt. Một tiếng “phùm” khô khan, đốt ngón tay lặn trên đất, máu tươi tuôn rờn rờn...

Tôi vừa nhớ đến đây chợt tiếng Sammy vang lên, cắt đứt dòng ý tưởng của tôi:

- Ai cần mua nước chai thì mua bây giờ; bởi vì mình về đến tàu là tàu nhỏ neo đi Luxor ngay. Tôi xin nhắc lại, quý vị không nên đánh răng, súc miệng bằng nước máy trên tàu.

Đến Luxor, cũng dưới ánh nắng và sức nóng như trong lò hầm than, Sammy thu xếp cho du khách đi thăm thành phố bằng xe ngựa. Cứ ba du khách ngồi chung một xe.

Tiếng “lóc cóc” do móng ngựa chạm vào mặt đường như khơi giậy trong lòng tôi dòng âm thanh xưa, trên những chuyến xe ngựa từ Nha-Trang đi Thành, đi Cầu-Đá hoặc Tháp-Bà, Hòn-Chông. Ôi, những chuyến xe ngựa của tuổi thơ!

Trong khi mọi người vui cười rời xe ngựa, đi vào xem chợ Trời thì tôi vẫn ngồi yên, không muốn rời xe; vì tôi hoang tưởng, nghĩ rằng, mơ ước rằng chuyến xe ngựa này là chuyến xe ngựa tuổi thơ của tôi!

Lúc mọi người trở lại, tôi tưởng hai người cùng xe với tôi sẽ bước lên chiếc “xe ngựa tuổi thơ” của tôi, nhưng không, Sammy bảo tất cả du khách chuyển sang xe buýt.

Chiếc buýt chạy khá xa nhưng tôi vẫn quay lui để nhìn lại một lần cuối chiếc “xe ngựa tuổi thơ” của tôi.

Khi cùng nhóm du khách đi thăm đền đài và mộ của những ông hoàng bà chúa thuộc về một nền văn minh đã tàn lụn, lòng tôi cũng còn vang vọng tiếng vó ngựa gõ nhẹ và đều trên những con đường xưa.

Trong ý nghĩ của tôi, những chuyến “xe ngựa tuổi thơ” trên những con đường xưa có sự sống – ít ra là trong hồn tôi – còn quanh khu vực giành cho du khách thăm viếng, tôi chỉ thấy, ngoài nhóm công an mặc sắc phục, còn tất cả là đá. Núi đá,

phiến đá, gheh đá, tượng đá, hốc đá, viên đá và đá vụn chứ tôi không thấy được bất cứ một sinh vật hay thực vật nào khác.

Khi ngồi trốn nắng nơi hốc đá ở Queen Hatshepsut's monumental rock temple, tôi chợt nghĩ, các em tôi chết trẻ, tôi không biết mồ mả như thế nào, vậy mà suốt mấy ngày qua tôi lại lặn lội đi tìm xem mộ của những người đã chết từ bao nhiêu ngàn năm trước! Ý nghĩ này làm lòng tôi buồn đến héo hon!

Trở lại tàu, tôi lên thẳng sân thượng, tìm nơi khuất lấp, ngồi một mình. Nhìn những áng mây đỏ rực cuối trời xa, tôi lại nhớ Tuấn. Tôi nhớ đến lần Tuấn báo cho tôi biết, khi nhận vẽ bảng hiệu cho công ty xuất cảng cá tôm sang Hoa-Kỳ, bất ngờ Tuấn gặp lại Thọ, là giám đốc công ty này. Thọ cần một người có khả năng để giao dịch, mua và kiểm soát thực phẩm cho cá tôm ăn. Vậy là Tuấn không phải lang thang vẽ bảng hiệu để kiếm sống nữa. Tôi mừng cho Tuấn và cũng mừng cho tình bạn giữa Tuấn và Thọ.

Cách nay mấy tuần, Tuấn điện thoại, khuyên tôi không nên mua cá tôm nhập cảng từ Việt-Nam; vì họ lấy gà vịt bị bệnh dịch đem về chế biến ra thực phẩm cho cá tôm ăn. Tôi ngạc nhiên, báo chí Việt-Nam đăng tải là chính quyền Việt-Nam đã ra lệnh thiêu hủy tất cả gia cầm nghi ngờ có mầm bệnh rồi mà. Tuấn bảo họ đốt lấy lệ, để báo chí chụp hình cho bà con tin thôi, rồi họ lấp hồ tại đó. Đến tối, cũng chính nhóm người ấy trở lại, đào lên, đem về, lựa con nào kha khá bán cho nhà hàng; con nào tẻ, bán cho mấy công ty xuất cảng tôm càng, cá tra để được chế biến thành thức ăn nuôi tôm cá. Tôi lo sợ, bảo Tuấn đừng nói nhiều, nguy hiểm. Tuấn tự tin, bảo công an khu vực – tên Lực – là con của bà Ba Giàu. Bà Ba Giàu, trước năm 1975, giúp việc nhà cho Má tôi. Ông Ba Giàu làm nghề đập xích lô. Hằng tháng, đến ngày Má tôi phát lương cho bà Ba Giàu, ông Ba Giàu chở thằng Lực trên xích-lô, đến nhà tôi nhận tiền. Tối đó thế nào ông Ba Giàu cũng “nhậu” mấy “xì” đế, rồi “xin”, thằng Lực phải chạy bộ qua nhà Ba Má tôi, gọi bà Ba Giàu về cạo gió cho Ba nó. Tôi thầm phục Lực là người có tình, vì vẫn còn nghĩ đến các em tôi như người thân. Tôi không hiểu làm thế nào Lực “ngon lành” như vậy, nhưng tôi hơi yên lòng, vì các em tôi ở kinh tế mới, quen biết một người có “chút thể lực(!)” cũng đỡ.

Tôi chỉ yên lòng được vài hôm thì Lộc, vợ của Tuấn, gọi sang, báo cho biết Tuấn bị công an khu vực gọi đến trụ sở “làm việc” rồi bị tổng giam mà không viện dẫn lý do. Tôi chợt nhớ đến Lực, vội bảo Lộc liên lạc với Lực. Lộc nức nở: “*Đạ rồi. Anh Lực nói do trên chỉ thị thì anh thi hành chứ anh không biết tội danh. Nhưng anh Lực hứa là anh sẽ cố giúp nếu em có điều kiện...*” Tôi hiểu và gửi ngay về cho Lộc một số tiền kha khá.

Sau khi nhận tiền của Lộc, Lục muốn thả Tuấn để “ôm” trọn số tiền, nhưng không dám; vì Thọ đã báo cáo với công an rằng Tuấn phá hoại kinh tế “nhà nước” bằng cách bảo người nước ngoài đừng mua tôm cá xuất cảng từ Việt-Nam. Lục nghĩ chàng nên nói cho Thọ biết về một phần – Lục giấu phần còn lại để hưởng một mình – số tiền chị của Tuấn gửi về lo cho Tuấn. Thọ tham tiền, sẽ không gây trở ngại khi Lục thả Tuấn.

Tuấn hiền lành, lại điển trai hơn Thọ, và có tý văn nghệ nên được nhiều người quý mến. Thọ không mặc cảm về những điều đó; nhưng Thọ lại khó chịu và cảm thấy bất an khi sếp lớn của Thọ nhiều lần ngỏ lời khen ngợi Tuấn. Thọ ngại Thọ sẽ mất chức về tay Tuấn. Thọ tìm nhiều cơ hội đề nghị sếp lớn cho Tuấn nghỉ việc, nhưng sếp lớn bảo ông ta cần những người như Tuấn. Đến khi Phở -- bạn của Thọ và Tuấn -- trong khi chở giùm Tuấn về nhà, nghe cuộc điện đàm giữa Tuấn và người chị ở nước ngoài, về mách lại Thọ thì Thọ có lý do và cơ hội “loại” Tuấn ra khỏi công ty. Thọ kín đáo báo cáo công an và ghi tên Phở là nhân chứng. Tuấn vào tù mà Tuấn không hề nghi ngờ Thọ.

Gặp Lục, Thọ thỏa thuận nhận số tiền do Lục trao rồi hai người chở nhau đi ăn uống no say. Lúc bắt tay từ giã Lục, giọng Thọ như nhựa vì rượu: *“Cứ thả thẳng Tuấn đi, tao có cách khác ngoạn mục hơn nhiều.”*

Sau khi Tuấn được thả, Thọ đến tận nhà thăm và rủ Tuấn đi ăn mừng. Tuấn vui vẻ nhận lời, không nghi ngờ gì cả.

Những chi tiết kể trên về sau tôi mới được biết. Còn khi tôi đang kiểm soát lại lần cuối những thứ lặt vặt để sáng hôm sau ra phi trường, khởi hành chuyến du lịch này thì tôi nhận được điện thoại từ Việt-Nam. Lộc cho biết Tuấn được thả buổi trưa thì chiều Thọ ghé thăm rồi chở Tuấn đi ăn mừng. Tối Thọ đưa Tuấn về. Tuấn say khướt, đại tiện, tiểu tiện ngay trên chiếu. Cơ thể của Tuấn tím dần và Tuấn không nói được! Dem Tuấn đến bệnh xá, y tá bắt mạch, bảo Tuấn bị trúng độc nặng lắm, không cứu được!

Nghe Lộc vừa khóc vừa kể về Tuấn, tôi lạnh toát người, đứng trơ, không khóc được – và cũng không thể đình hoãn chuyến du lịch này để ở nhà khóc em!

Hôm đó tôi không khóc được. Nhưng, giây phút trên sân thượng của chiếc du thuyền nhỏ neo bên bờ sông Nile, tôi âm thầm lấy khăn giấy thấm nhanh những giọt nước mắt muộn màng!

Những áng mây rực rỡ lúc này không còn nữa, nhưng niềm thương nhớ Tuấn cứ còn đọng mãi trong lòng tôi. Nhìn về hướng mặt trời lặn, tôi không biết chính xác mặt trời có lặn về phía quê tôi hay không; nhưng tôi biết, trên giải đất đầy oan khiêng và khổ nạn đó, Tuấn không phải là người đầu tiên và Tuấn cũng chẳng phải là người cuối cùng phải chết vì tính dễ tin, lòng thành thật và sự thẳng thắn của mình!

Nhìn ra xa, trong ánh hoàng hôn, dòng nước trong mát của sông Nile vẫn lặng lẽ xuôi ra biển, nhưng hồn tôi lại vượt không gian tìm về chốn xưa; nơi đó, cũng như trong lòng tôi, tiếng hát của Tuấn lúc nào cũng chơi vui, lạc lõng, buồn buồn.

Tôi thương nhớ Tuấn như thương nhớ gốc phượng già trước ngôi nhà xưa của Ba Má tôi; như thương nhớ một phần đời thơ ấu của tôi; như thương nhớ tiếng đàn Accordéon của tôi; như thương nhớ những buổi tối hai chị em cùng hát nghêu ngao trên sân thượng nhà tôi. *“Yesterday, all my troubles seemed so far away. Now it looks as though they’re here to stay....”*.⁽¹⁾

Troubles are here to stay mà Tuấn thì đã *far away*, đã vút cao; cao hơn tất cả những nghịch lý, những hèn mọn, những đau thương, những uất hờn và thù hận trong cuộc sống này! *“...Oh, yesterday came suddenly...”*.⁽²⁾

1 và 2 .-Yesterday, The Beatle.

ĐIỆP MỸ LINH
<http://www.diepmylinh.com>



Sông Nile (ảnh Kitten Blog)

www.vietnamvanhien.net